

Số: 01/2017/QĐST-KDTM

Krông Búk, ngày 18 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 07 tháng 7 năm 2017, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2016/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 12 năm 2016.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N Việt Nam.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên
Địa chỉ: Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.
- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).
- Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc H – Phó giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 51 ngày 23/12/2016).
Địa chỉ: Số 186 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H1.
Cùng địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Ngọc N (văn bản ủy quyền ngày 16/02/2017).
Địa chỉ: Số 02 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Vợ chồng ông Nguyễn Đức C, bà Phạm Thị H2.
Cùng địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H1 còn nợ Ngân hàng N - chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 204/211/HĐTD ngày 28/02/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 216/212/HĐTD ngày 12/04/2012 với tổng số tiền là

3.168.913.607 đồng (Ba tỷ một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm mười ba ngàn sáu trăm linh bảy đồng). Trong đó tổng nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, tổng nợ lãi là: 1.368.913.607 đồng tạm tính đến hết ngày 31/10/2016.

2.2. Về phương án trả nợ và thời gian trả nợ các bên thống nhất cụ thể như sau:

2.2.1. Đối với Hợp đồng tín dụng số: 204/211/HĐTD ngày 28/02/2012, vợ chồng ông Nguyễn Đức C, bà Phạm Thị H2 thỏa thuận chậm nhất đến ngày 30/9/2017, ông C, bà H2 trả nợ thay cho ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H1 tổng số tiền là **891.433.329 đồng** (tám trăm chín mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn ba trăm hai mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 341.433.329 đồng tạm tính đến hết ngày 31/10/2016, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/11/2016.

- **Về xử lý tài sản thế chấp:** Sau khi ông C, bà H2 trả nợ thay ông D, bà H1 hết số nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng hoàn trả lại tài sản thế chấp thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 136/TC ngày 26/01/2010 được ký giữa Ngân hàng với vợ chồng ông D, bà H1 cho ông C, bà H2 để ông C, bà H2 làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (mọi nghĩa vụ tài chính trong việc đăng ký sang tên quyền sử dụng đất ông C, bà H2 phải chịu). Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số AP 875201, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 51 do UBND huyện K cấp ngày 09/12/2009, đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị H1; diện tích 20.960 m², tọa lạc tại xã C, huyện K.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số AP 875202, thửa đất số 77, tờ bản đồ số 51 do UBND huyện K cấp ngày 09/12/2009, đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị H1; diện tích đất 10.820 m², tọa lạc tại xã C, huyện K.

Trường hợp ông C, bà H2 không thực hiện việc trả nợ thay cho ông D, bà H1 hoặc trả nợ không đầy đủ theo thỏa thuận. Ông D, bà H1 không tiếp tục thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng N - chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk được quyền phát mại tài sản đã thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi nợ theo quy định.

2.2.2. Đối với Hợp đồng tín dụng số: 216/212/HĐTD ngày 12/04/2012, chậm nhất đến ngày 30/9/2017, ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H1 có trách nhiệm trả toàn bộ tổng số tiền là **2.277.480.278 đồng** (hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 1.250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn 1.027.480.278 đồng tạm tính đến ngày 31/10/2016, tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 01/11/2016.

- **Về xử lý tài sản thế chấp:** Sau khi ông D, bà H1 thanh toán hết số nợ thì Ngân hàng hoàn trả lại tài sản thế chấp thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 216/TC ngày 12/03/2010 được ký giữa Ngân hàng với vợ chồng ông D, bà H1. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số V 053888 do UBND huyện K cấp ngày 03/12/2002, đứng tên hộ Nguyễn Văn D; gồm 04 thửa đất với tổng diện tích đất 43.440 m²: thửa đất số 83a - tờ bản đồ số 09 - diện tích đất 1.505 m²; thửa đất số 156 - tờ bản đồ số 08 - diện tích đất 20.840 m²; thửa đất số 157 - tờ bản đồ

số 08 – diện tích đất 5.875 m²; thửa đất số 11 - tờ bản đồ số 47 - diện tích đất 15.220 m², toàn bộ các thửa đất tọa lạc tại xã C, huyện K.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số W 832420, thửa đất số 59, tờ bản đồ 43 do UBND huyện K cấp ngày 09/02/2004, đứng tên hộ Lê Thị H1; diện tích đất 13.110 m², tọa lạc tại xã C, huyện K.

Trường hợp ông D, bà H1 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo thỏa thuận thì Ngân hàng N - chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk được quyền phát mại tài sản đã thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi nợ theo quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.690.000 đồng. Ngày 14/6/2017 ông Nguyễn Văn D có đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND xã C, huyện K, nên miễn 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông D, bà H1. Ông D, bà H1 còn phải nộp số tiền 23.845.000đ (*hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N – chi nhánh H tỉnh Đắk Lắk số tiền 47.690.000đ (*bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0038132 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức C, bà Phạm Thị H2 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0038239 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Anh Thái